

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	16	0		19	0	
2		CLO+BK14	7:25	21+1	0+0		18+4	0+0	
3		VSP01+RP3	7:25	22	0		21+0	0	HÀNG RP3 VỀ
4		VSP01+AMD	7:25	13+9	0+0		11+10	0+0	
5		TD3+BK21+TTC2	7:25	22+0+0	0+0+0		19+2+1	0+0+0	
6		TD1+CLO	9:25	21+0	0+0		13+8	0+0	
7		TD5+TD1+CTK3	9:25	14+4+1	0+0+0		11+4+6	0+0+0	chuyen 1 td5-td1
8		SAVR+TD2	9:25	14+5	0+0		12+10	0+0	
9		BK14+TD2	9:25	8+13	0+0		6+16	0+0	
10		AMD+TGTH4	12:00	18+4	0+0		16+5	0+0	
11		BK8+TD3	12:00	18+4	0+0		4+5	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày TD3-5ng, Clo-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: CLO - BK14	CREW: NAM - VTHANG - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0337	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	SIDOROV I.N.	CLO						90	D-HANH	Russian
2	ĐẶNG DUY LY	CLO	22	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN KHANH	CLO	41	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
4	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	31	1	13			79	KHOAN	Vietnamese
5	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	36	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ MẠNH HUNG	CLO	42-43	2	9			70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU THĂNG	CLO	27-28	2	9			64	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH XUÂN PHU	CLO	25	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
9	POPOV A.A.	CLO						78	KH-THAC	Russian
10	KRAMARENKO V.V.	CLO						67	KH-THAC	Russian
11	THẠCH HỮU TÂN	CLO	23-24	2	14			71	YTE	Vietnamese
12	SUKHOMLIN IGOR	CLO	26	1	8			129	KHOAN	Russian
13	LƯƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	32-33	2	12			78	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM TẤT LỰC	CLO	29-30	2	12			71	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN KHANG	CLO	40	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
16	BUI XUÂN DUY	CLO	38	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
17	BUI TRẦN NAM	CLO	37	1	9			71	KHOAN	Vietnamese
18	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	35	1	10			62	DVL	Vietnamese
19	ĐINH VIỆT DŨNG	CLO	34	1	7			59	DVL	Vietnamese
20	KIỀU VĂN TUẤN	CLO	39	1	4			77	PSV	Vietnamese
21	LƯƠNG MẠNH HƯƠNG	CLO	21	1	4			63	PSV	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC NAM	BK14	13-15	3	20	2	17	75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	21	1.556	23	140	0	0	18		
2	BK14	1	75	3	20	2	17	4		
TOTAL		22	1.631	26	160	2	17	22		
WEIGHT KG			1.631		160		17			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN THĂNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
B.CARD: NAU-1A	TO: T.UNG	CREW: LTUÁN - XTRƯỜNG	ETA: 10:45
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0330	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	FEDORCHENKO V.D	T.UNG	26,300	2	13			83	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG	96	1	3	2	37	62	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ MINH DƯƠNG	T.UNG	500	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VU QUYEN	T.UNG	88	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	79	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MINH TRI	T.UNG	90	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ TIÊN VINH	T.UNG	89	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	98	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
9	KHÔNG THAI BÌNH*	T.UNG	99	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	97	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN BĂNG	T.UNG	390-392	3	12			74	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HIỆP	T.UNG	92	1	4			91	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH THĂNG	T.UNG	94	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI QUẢN	T.UNG	91	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐỨC ĐÔNG	T.UNG	95	1	4			83	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THẠCH	T.UNG	93	1	5			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	16	1.122	19	109	2	37	19		
TOTAL		16	1.122	19	109	2	37	19		
WEIGHT KG			1.122		109		37			

GRAND TOAL: 1.268 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN
HÀ XUÂN TRƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: VSP01 - RP3	CREW: QVIỆT - N.ANH - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0340	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	STAZHHINSKY E M	VSP01	46	1	7			100	D-HANH	Russian
2	CHERNYSHEV V.A	VSP01	39	1	10			114	KH-THAC	Russian
3	TRƯỜNG THANH PHÚ	VSP01						67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	47	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	50	1	9	1	9	80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	42-43	2	14			77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01	38	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC BE	VSP01	59	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	43	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRỌNG CHUNG	VSP01	48	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	53-54	2	22			86	KH-THAC	Vietnamese
12	LATUNOV A.V	VSP01	41	1	10			110	KH-THAC	Russian
13	ĐẶNG BA ĐIỀU *	VSP01	55-57	3	14			58	YTE	Vietnamese
14	VŨ BA TRINH	VSP01	62-63	2	19			78	KH-THAC	Vietnamese
15	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	52	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN DUY BÌNH	VSP01	58	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	40	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN SỸ HIỆU	VSP01	51	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP01	49	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH VĂN THƠN	VSP01						70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG VIỆT THÀNH	VSP01	45	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN CÔNG QUẢN	VSP01	61	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	22	1.706	25	158	1	9	21		
2	RP3	0	0	0	0	0	0	0	Hay ve	
TOTAL		22	1.706	25	158	1	9	21		
WEIGHT KG			1.706		158		9			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: VANG - 1	TO: VSP01 - AMD	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0343	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN ANH TUẤN	VSP01						71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	12	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	16	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN KIM	VSP01	17	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	09	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG MINH	VSP01	18-19	2	19			85	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HỮU HA	VSP01	13-14	2	8			72	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯU TRƯỜNG GIANG	VSP01	10	1	7			70	QMS	Vietnamese
9	ĐỖ SƠN BÌNH	VSP01	11	1	6			73	QMS	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TUẤN	VSP01	15	1	9			87	PSV	Vietnamese
11	VŨ VĂN ĐIỆP	VSP01	07	1	4			70	PSV	Vietnamese
12	HA THẾ BÌNH	VSP01	08	1	4			67	PSV	Vietnamese
13	LÊ XUÂN HA	VSP01	02-03	2	10			61	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN AN	AMD	85	1	7	4	65	57	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ TRUNG KIẾN	AMD	80	1	6	2	36	68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	87-88	2	9			92	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TẤN	AMD	86	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	81	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐÌNH HIỆU	AMD	82	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	84	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI TRẦN LIÊM	AMD	91	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TẤN	AMD	83	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	13	925	15	89	0	0	11		
2	AMD	9	642	10	50	6	101	10		
TOTAL		22	1.567	25	139	6	101	21		
WEIGHT KG			1.567		139		101			

GRAND TOTAL: 1.807 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
 NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:43
B.CARD: TRANG-1	TO: TD3 - BK21 - TTC2	CREW: ĐỨC - KHANH - ĐANG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/0345	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN CONG TRINH	TD3				3	50	69	XNKT	Vietnamese
2	BRANCHUKOV V.B.	TD3	11	1	2			73	D-HANH	Russian
3	ZAKLADNYI R.N.	TD3	10	1	2			100	D-HANH	Russian
4	LE QUANG BINH	TD3	20	1	4			76	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYEN VAN PHONG	TD3						65	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG NAM	TD3	08	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH BINH*	TD3	400	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
8	LE SY HUNG	TD3	07	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VAN NGHIA	TD3	06	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
10	LUU QUYET THANG	TD3						69	KHOAN	Vietnamese
11	DUONG HOANG LONG	TD3	03-04	2	14	1	4	69	KHOAN	Vietnamese
12	NGO DUY THANH	TD3	09	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN ĐỨC	TD3	18	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
14	NGHIEM XUAN VIET	TD3	19	1	11			67	ANTOAN	Vietnamese
15	VU DINH THU	TD3	21-22	2	10			68	YTE	Vietnamese
16	NGUYEN VIET HUNG	TD3	15	1	10			73	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN THANH NHAN	TD3	02	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN SON HAI	TD3	01	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM DUC CANH	TD3	16	1	3			59	PSV	Vietnamese
20	BUI SONG TOAN	TD3	17	1	7			72	DK9	Vietnamese
21	PHAM DUC THANG	TD3	05	1	8			72	DK9	Vietnamese
22	THIEU THANH TRUNG	TD3	12-14	3	17			60	HA VIET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	22	1.564	23	133	4	54	19		
2	BK21	0	0	0	0	0	0	2		
3	TTC2	0	0	0	0	2	35	1		
TOTAL		22	1.564	23	133	6	89	22		
WEIGHT KG			1.564		133		89			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

TRẦN ĐỨC KHANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:TD1 - CLO	CREW: NAM - VTHẮNG - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/0338	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRINH HUY TOAN	TD1	42	1	4	2	30	63	KHOAN	Vietnamese
2	ĐO THANH HOAT	TD1	1000	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN GIANG	TD1	43	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN ANH	TD1	74	1	5	1	2	60	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG TUAN ANH	TD1	49	1	15			75	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN TUAN	TD1	47	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG MINH ĐỨC	TD1	40	1	2			70	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN QUY	TD1	45	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
9	THAI ĐỨC TOAN	TD1	12	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
10	LUU THIEN ĐỨC	TD1	46	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ VĂN HẬU	TD1	44	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH LUAN	TD1	68	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM TIEN NINH	TD1	48	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
14	KARIMOV TAGIR G.	TD1	11	1	16			94	D-HANH	Russian
15	LE VAN BINH	TD1	50	1	12			62	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN KIM PHI HUNG	TD1	41	1	8			71	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DIEN	TD1	71	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
18	HUYNH PHƯƠNG HUNG	TD1	69-70	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN ANH PHUC	TD1	86-87	2	18			53	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN MINH TU	TD1	72-73	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN MANH HOANG	TD1	88,39	2	20			82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	21	1.448	25	197	3	32	14		
2	CLO	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	1.448	25	197	3	32	22		
WEIGHT KG			1.448		197		32			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD5 - TD1 - CTK3	CREW: QVIỆT - N.ANH - THÀNH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/0341	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ THẾ ANH	TD5	89-90	2	5			83	KHOAN	Vietnamese
2	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	86	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ HOANG BAO AN	TD5	91-92	2	18			70	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	87	1	12			84	KHOAN	Vietnamese
5	HỒ THANH QUANG	TD5	88	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG CƯỜNG	TD5	97-98	2	5			71	ANTOAN	Vietnamese
7	ĐỖ TUẤN KHANG	TD5	95	1	7			73	ANTOAN	Vietnamese
8	TÀ HOÀI TRẠNG	TD5	96	1	13			73	ANTOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	63-64	2	14			88	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	93	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	99	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
12	PODKATILIN A.N	TD5	94	1	8			82	KHOAN	Russian
13	HÀ THANH TÙNG	TD5	84	1	5			89	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	85	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TÂM	TD1	60-85	2	14			74	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẶNG XUÂN VĂN*	TD1	56-57	2	10			84	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT DUY	TD1	58	1	10	1	14	79	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC LONG	TD1	94	1	17			63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MAI SƠN	CTK3						80	SBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	14	1.072	18	114	0	0	11		CHUYEN 1 PAX TD5-TD1
2	TD1	4	300	6	51	1	14	4		
3	CTK3	1	80	0	0	0	0	6		
TOTAL		19	1.452	24	165	1	14	21		
WEIGHT KG			1.452		165		14			

GRAND TOTAL: 1.631 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:SAVR - TD2	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/0344	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HOANG LONG	SAVR	01-02	2	17	2	26	84	KHOAN	Vietnamese
2	GUZ MAKSIM	SAVR	26	1	6			81	AMNGR	Russian
3	ZINNATULLIN AZAT*	SAVR	23-25	3	17			68	AMNGR	Russian
4	SHARSHUN ALEKSANDR*	SAVR	22	1	6			86	AMNGR	Russian
5	MAMATOV DENIS*	SAVR	20-21	2	13			87	AMNGR	Russian
6	LÊ VĂN HIÊN	SAVR	04-05	2	9			59	MINH MINH	Vietnamese
7	NGÔ VĂN PHÚ*	SAVR	18-19	2	20			65	MINH MINH	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	SAVR	06-07	2	3	1	19	63	MINH MINH	Vietnamese
9	PHẠM THANH HÀ*	SAVR	16-17	2	18			66	MINH MINH	Vietnamese
10	LÊ THANH TÙNG	SAVR	14-15	2	11			85	MINH MINH	Vietnamese
11	CHIM VĂN LAM	SAVR	09-10	2	18			63	MINH MINH	Vietnamese
12	LÊ ANH SƠN	SAVR	13	1	12			72	DMC-MI	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	SAVR	11-12	2	17			67	PVD LOGGI	Vietnamese
14	ĐẶNG QUÂN MINH	SAVR	03	1	15			58	BAKER HUC	Vietnamese
15	DƯƠNG HAI BĂNG	TD2	55	1	8	2	35	80	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ TRUNG HIỂU	TD2	54	1	4			93	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY KIÊN	TD2	53	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	52	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2	56	1	5			67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	14	1.004	25	182	3	45	12		
2	TD2	5	391	5	28	2	35	10		
TOTAL		19	1.395	30	210	5	80	22		
WEIGHT KG			1.395		210		80			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG - 2	TO: BK14 - TD2	CREW: ĐỨC - KHANH - ĐANG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/0346	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM VAN KIEN	BK14	28	1	12			76	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN DUC DOAI *	BK14	22	1	12			62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VIET DUC *	BK14	26-27	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
4	VO THANH BINH	BK14	23	1	15			57	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM TIEN SY *	BK14	29-30	2	18	1	12	72	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VAN SANG	BK14	20-21	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
7	VO VAN LINH	BK14	24-25	2	14			58	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VAN SON *	BK14	18-19	2	19			71	XAYLAP	Vietnamese
9	VO SI MINH TAN	TD2	69	1	6			56	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TRUONG	TD2	72	1	10			93	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BAO	TD2	73	1	12			82	KHOAN	Vietnamese
12	CAO DUC VIEN	TD2	500	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH QUOC KHANH	TD2	67	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
14	QUACH VAN CU	TD2	66	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
15	LE HUU HAU	TD2						66	KHOAN	Vietnamese
16	LE HUNG CUONG	TD2	65	1	4			99	KHOAN	Vietnamese
17	LE TRUONG LAM	TD2	70	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
18	TRINH DUY THANH	TD2	71	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN CONG HIEN	TD2	68	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN CONG DUAN	TD2	90	1	5			56	PSV	Vietnamese
21	LE MANH HUNG	TD2	400	1	7			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	8	530	13	127	1	12	6		
2	TD2	13	962	12	67	0	0	16		
TOTAL		21	1.492	25	194	1	12	22		
WEIGHT KG			1.492		194		12			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

TRUONG CONG DUC

TRAN DUC KHANH

4 khách * mang sac du phong



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: AMD - TGTH4	CREW: KHOAN - SON - THU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/0339	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN ĐỨC HẬU	AMD	69-70	2	8			68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HỒNG LINH	AMD	76	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
3	TANG XUÂN HAI	AMD	72	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HỮU THAO	AMD	73	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGỌC THỤ	AMD	68	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	78	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
7	TẠ MẠNH HÙNG	AMD	80	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	66-67	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	58	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH PHÚC ẨM	AMD	77	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TUẤN*	AMD	64-65	2	17			64	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG MẠNH PHU	AMD	63	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	62	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ TRI HÙNG	AMD	61	1	12			59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ VĂN BẠC*	AMD	59	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN HỮU PHƯỚC*	AMD	74-75	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN GIÁC UNG	AMD	79	1	9			92	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	60	1	3			60	PSV	Vietnamese
19	LÊ THÀNH DANH	TGTH4	79	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VINH QUANG	TGTH4	77-78	2	6			66	KH-THAC	Vietnamese
21	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	82-83	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH4	80-81	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	18	1.249	22	147	0	0	16		
2	TGTH4	4	262	7	34	0	0	5		
TOTAL		22	1.511	29	181	0	0	21		
WEIGHT KG			1.511		181		0			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SƠN

(* Có 3 pax mang sạc di động



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: HONG-3	TO: BK8 - TD3	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - MQUÂN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/0342	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG NGỌC CƯƠNG	BK8	92-93	2	16			78	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN HỒNG THANH	BK8	85	1	17			74	XAYLAP	Vietnamese
3	NGHIÊM TRINH NHẬT	BK8	90-91	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
4	LE ĐÌNH HIỆU	BK8	82	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG DANH	BK8	73	1	12			77	XAYLAP	Vietnamese
6	HA THIÊN HUỆ	BK8	36,79	2	16			61	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI TRUNG NHAN	BK8	74	1	12			50	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DUNG	BK8	86	1	11	1	14	85	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN HỮU MINH	BK8	80,900	2	13			82	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VĂN THANH	BK8	77	1	12			73	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TOÀN	BK8	75-76	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
12	NHÂM ĐÌNH THUẬN*	BK8	78-79	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI KHẮC SƠN	BK8	99,600	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VINH THẢO	BK8	680-681	2	16			55	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN CHÍ BIÊN	BK8	88	1	9	1	17	71	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC ANH	BK8	83-84	2	17			78	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN THUẬN	BK8	52	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN HỮU ĐỨC*	BK8	98	1	8			86	XAYLAP	Vietnamese
19	MẠC QUANG TUẤN	TD3	94-95	2	11			66	HA VIỆT	Vietnamese
20	PHAN THANH TÝ	TD3	92	1	5	2	35	50	HA VIỆT	Vietnamese
21	TRẦN BÙU NAM	TD3	93	1	10			61	HA VIỆT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	18	1.275	27	264	2	31	4		
2	TD3	3	177	4	26	2	35	5		
TOTAL		21	1.452	31	290	4	66	9		
WEIGHT KG			1.452		290		66			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
ĐÀO NGỌC PHÚ

